



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/05/2022.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2022: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.39711146
- Fax: (84) 024.39718847
- Website: www.ecigroup.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CD-ROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 43 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 5 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|---|
| • Ông Sử Duy Bin | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Xin từ nhiệm ngày 02/8/2022 (*) |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thúy Hạnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Xin từ nhiệm ngày 02/8/2022 (*) |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Bà Đặng Thị Như | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|---|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yên | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Tạ Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Xin từ nhiệm ngày 10/5/2022 (*) |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|---|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/4/2022 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
• Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
• Bà Đỗ Thị Thom	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
• Bà Đặng Thị Như	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 Miễn nhiệm ngày 05/05/2022

(*) Việc từ nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Kiểm toán độc lập

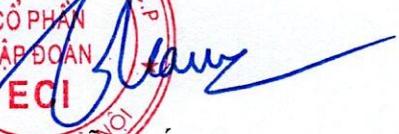
Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số : 799/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 10/08/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.087.475.943	46.791.484.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.458.144.180	17.928.669.675
1. Tiền	111	5	15.458.144.180	14.928.669.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.208.690.210	15.018.854.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.033.303.077	15.132.155.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		198.203.551	129.925.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.536.271.064	286.019.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(559.087.482)	(529.245.945)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.074.907.155	4.771.125.483
1. Hàng tồn kho	141		6.017.363.323	7.480.391.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.942.456.168)	(2.709.265.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		345.734.398	12.834.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	334.676.243	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.058.155	12.834.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.952.910.403	1.191.588.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.923.586	77.059.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	43.923.586	77.059.948
- Nguyên giá	222		2.910.743.153	2.910.743.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.866.819.567)	(2.833.683.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		908.986.817	114.528.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	908.986.817	114.528.499
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.040.386.346	47.983.073.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.511.941.857	12.721.050.445
I. Nợ ngắn hạn	310		11.511.941.857	12.721.050.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.178.243.425	3.588.771.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.039.424	715.221.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	262.323.718	830.574.877
4. Phải trả người lao động	314		1.539.871.251	3.925.639.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.785.255.157	162.519.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	540.105.258	3.308.221.380
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.528.444.489	35.262.022.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	36.528.444.489	35.262.022.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	17	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	15.279.278.052	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.012.856.118	11.998.431.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.266.421.934	2.014.424.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.040.386.346	47.983.073.000



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	24.397.961.500	37.165.707.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	48.784.320	39.726.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		24.349.177.180	37.125.980.403
4. Giá vốn hàng bán	11	20	17.068.241.720	25.931.654.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.280.935.460	11.194.326.148
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	82.714.054	287.003.776
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22a	3.570.654.085	5.772.094.746
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22b	2.196.626.861	2.704.855.829
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.596.368.568	3.004.379.349
11. Thu nhập khác	31		-	909.091
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	909.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.596.368.568	3.005.288.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	329.946.634	613.549.868
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.266.421.934	2.391.738.572
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	720	1.359
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	720	1.359


Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu



Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.596.368.568	3.005.288.440
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	10	33.136.362	23.620.357
- Các khoản dự phòng	03		(736.967.849)	217.452.024
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(82.714.054)	(287.003.776)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		809.823.027	2.959.357.045
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.394.278.589)	(13.328.493.361)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	1.463.027.714	(3.748.098.062)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.551.136.191	9.645.571.673
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	(1.129.134.561)	(644.941.588)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(274.366.213)	(202.874.175)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.973.792.431)	(5.299.478.468)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(63.690.909)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.200.000.000)	(9.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		11.260.000.000	11.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,21	259.092.136	343.820.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.319.092.136	2.280.129.306
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16,17	(2.815.825.200)	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.815.825.200)	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.470.525.495)	(3.547.316.387)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	17.928.669.675	12.316.763.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	15.458.144.180	8.769.447.548



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/05/2022.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CD-ROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Chi phí tem chống lậu, bì nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ (Giai đoạn từ ngày 01/2/2022 đến 31/12/2022 Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ); 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	48.857.482	264.705.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.409.286.698	14.663.964.675
Cộng	15.458.144.180	14.928.669.675

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	3.029.771.400	834.551.480
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	1.675.625.235	4.211.062.035
Các đối tượng khác	13.327.906.442	10.086.542.292
Cộng	18.033.303.077	15.132.155.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	585.921.600	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	1.675.625.235	4.211.062.035
Cộng	2.261.546.835	4.211.062.035

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	176.378.082	-
Phải thu thuế TNCN	95.501.064	-	109.641.038	-
Tạm ứng (*)	8.440.770.000	-	-	-
Cộng	8.536.271.064	-	286.019.120	-

(*) Trong số dư tạm ứng tại ngày 30/06/2022, Tổng Giám đốc đã tạm ứng số tiền 8.380.770.000 đồng để thực hiện các công tác chuẩn bị cho việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển nghi dưỡng ngoại ô và Công ty Cổ phần Ô tô Thành An Long Biên.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	559.087.482	529.245.945
- Từ 3 năm trở lên	157.417.972	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	166.871.871	229.171.501
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	234.797.639	144.481.992
Cộng	559.087.482	529.245.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	121.879.276	-	90.138.430	-
Thành phẩm	3.032.532.385	1.463.962.108	3.419.201.876	1.834.466.010
Hàng hóa	2.862.951.662	478.494.060	3.971.050.731	874.799.544
Cộng	6.017.363.323	1.942.456.168	7.480.391.037	2.709.265.554

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 2.017.828.091 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch xử lý các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	342.503.748	2.168.929.700	399.309.705	2.910.743.153
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	2.168.929.700	399.309.705	2.910.743.153
Khấu hao				
Số đầu kỳ	342.503.748	2.168.929.700	322.249.757	2.833.683.205
Khấu hao trong kỳ	-	-	33.136.362	33.136.362
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	2.168.929.700	355.386.119	2.866.819.567
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	-	77.059.948	77.059.948
Số cuối kỳ	-	-	43.923.586	43.923.586

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2022.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 2.811.334.062 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2022				01/01/2022			
	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	100.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
Cộng			1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, giá trị của khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng. Công ty cũng không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do không có dữ liệu đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	39.524.243	-
Chi phí thuê kho	295.152.000	-
Cộng	334.676.243	-

b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	69.757.574	42.214.348
Tem và thẻ cào điện tử	69.243	54.151
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	-	72.260.000
Bìa atlas	839.160.000	-
Cộng	908.986.817	114.528.499

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
XN Bàn đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ	858.840.093	826.201.593
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	2.691.454.107	1.556.449.487
Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam	822.310.000	46.666.050
Các đối tượng khác	1.805.639.225	1.159.453.896
Cộng	6.178.243.425	3.588.771.026

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	200.999.408	455.296.060
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	351.571.400	-
Cộng	552.570.808	455.296.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	48.041.880	48.041.880	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	200.208.853	329.946.634	274.366.213	-	255.789.274
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.913.785	394.848.815	763.228.156	-	6.534.444
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	255.452.239	151.179.842	406.632.081	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	830.574.877	927.017.171	1.495.268.330	-	262.323.718

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công in	119.987.096	50.820.000
Trích trước tiền nhuận bút tác giả, bản thảo phải trả	1.596.819.000	-
Trích trước tiền hoa hồng	1.068.448.761	-
Chi phí khác	300	111.699.200
Cộng	2.785.255.157	162.519.200

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	257.583.339	233.440.943
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	48.828.447	-
Thù lao HĐQT, BKS	33.290.000	66.389.001
Thuế TNCN thu thừa	196.070.561	188.233.325
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.605.610	2.818.430.810
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	540.105.258	3.308.221.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	12.526.431.352	33.775.597.789
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.830.424.766	4.830.424.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.344.000.000	3.344.000.000
Số dư tại 31/12/2021	<u>18.600.000.000</u>	<u>(726.105.307)</u>	<u>2.633.994.225</u>	<u>741.277.519</u>	<u>14.012.856.118</u>	<u>35.262.022.555</u>
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.266.421.934	1.266.421.934
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2022	<u>18.600.000.000</u>	<u>(726.105.307)</u>	<u>2.633.994.225</u>	<u>741.277.519</u>	<u>15.279.278.052</u>	<u>36.528.444.489</u>

b. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.012.856.118	12.526.431.352
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.266.421.934	4.830.424.766
Phân phối lợi nhuận	-	3.344.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	528.000.000
+ Chia cổ tức	-	528.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	2.816.000.000
+ Chia cổ tức	-	2.816.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u>15.279.278.052</u>	<u>14.012.856.118</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 16% vốn điều lệ (trương ứng 2.816.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chốt quyền tạm ứng vào ngày 28/12/2021 và thực hiện chi trả số cổ tức này vào ngày 28/02/2022.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 70%/ vốn điều lệ. Công ty chưa chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức bằng cổ phiếu.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	15.288.882.922	24.670.041.886
Doanh thu thiết bị giáo dục	8.511.037.938	12.400.625.117
Doanh thu bán sách tham khảo	598.040.640	95.040.000
Cộng	24.397.961.500	37.165.707.003

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hàng bán bị trả lại	48.784.320	39.726.600
Cộng	48.784.320	39.726.600

20. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	10.415.725.742	15.876.332.895
Giá vốn thiết bị giáo dục	7.136.265.861	10.043.525.498
Giá vốn sách tham khảo	283.059.503	56.638.284
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(766.809.386)	(44.842.422)
Cộng	17.068.241.720	25.931.654.255

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.714.054	287.003.776
Cộng	82.714.054	287.003.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.386.942.672	2.279.927.959
Chi phí bốc xếp vận chuyển	337.094.488	478.819.943
Chi phí hoa hồng môi giới	1.109.385.081	1.794.863.097
Chi phí thuê kho, phân bổ CCDC	390.568.752	735.254.959
Các khoản khác	346.663.092	483.228.788
Cộng	3.570.654.085	5.772.094.746

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.185.190.245	1.733.365.144
Chi phí thuê nhà	151.179.842	151.179.842
Chi phí giao dịch, hội nghị	82.161.703	51.982.273
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	29.841.537	262.294.446
Các khoản khác	748.253.534	506.034.124
Cộng	2.196.626.861	2.704.855.829

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.596.368.568	3.005.288.440
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	53.364.600	62.460.900
- Điều chỉnh tăng	53.364.600	62.460.900
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	53.364.600	62.460.900
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.649.733.168	3.067.749.340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	329.946.634	613.549.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.266.421.934	2.391.738.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.266.421.934	2.391.738.572
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu (*)	720	1.359

(*) Điều lệ cũng như Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 2022 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này (nếu có).

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.795.312.600	2.128.977.611
Chi phí nhân công	4.834.818.224	5.418.994.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.136.362	23.620.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.142.525.568	16.189.050.545
Chi phí khác bằng tiền	1.108.587.127	1.953.291.715
Cộng	15.914.379.881	25.713.935.186

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bán đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

27. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.178.243.425	-	6.178.243.425
Chi phí phải trả	2.785.255.157	-	2.785.255.157
Phải trả khác	233.693.472	-	233.693.472
Cộng	9.197.192.054	-	9.197.192.054
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.588.771.026	-	3.588.771.026
Chi phí phải trả	162.519.200	-	162.519.200
Phải trả khác	3.074.780.437	-	3.074.780.437
Cộng	6.826.070.663	-	6.826.070.663

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.458.144.180	-	15.458.144.180
Phải thu khách hàng	17.474.215.595	-	17.474.215.595
Phải thu khác	95.501.064	-	95.501.064
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	33.027.860.839	1.000.000.000	34.027.860.839
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.928.669.675	-	17.928.669.675
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Phải thu khách hàng	14.602.909.862	-	14.602.909.862
Phải thu khác	286.019.120	-	286.019.120
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	41.877.598.657	1.000.000.000	42.877.598.657

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc Công ty

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.192.257.600	2.421.668.800
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.564.563.200	5.074.958.680
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	448.475.200	405.664.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	534.586.000	364.509.091
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Mua thiết bị Giáo dục	581.641.032	1.391.745.362
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	19.980.770.000	-
	Thu hồi tạm ứng	11.600.000.000	-

